TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2024/HS-PT
Ngày 20 tháng 3 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh;

Ông Trần Văn Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Đảm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 949/2023/TLPT-HS ngày 08 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo Phạm Văn Đ; Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 512/2023/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo: Phạm Văn Đ, sinh năm 1974, tại Ninh Bình; Thường trú: xóm A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; Chỗ ở: 190E tổ C, đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị B; Bị cáo có vợ Đinh Thị N, sinh năm 1976 và 03 người con (lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2009); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 09/10/2020. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Thanh L là Luật sư của Văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu của Tòa án: Ông Vũ Thanh H là Luật sư của Văn phòng luật sư Vũ Thanh H thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

(Trong vụ án còn có bị hại và 07 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Tòa án không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 12/2017, thông qua giới thiệu của người bạn là ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn C quen biết với Phạm Văn Đ và được biết Đ cùng quê Ninh Bình với ông C. Trong thời gian quen biết, Đ tự giới thiệu có khả năng lo giấy tờ chuyển đổi mục đích sử dụng đất nên ông C đã nhờ Đ lo thủ tục giấy tờ chuyển đổi mục đích sử dụng đối với lô đất trồng cây lâu năm có diện tích 2.492m^2 tọa lạc tại xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Nguyễn Văn C1 (bố ông C) đứng tên quyền sử dụng thành đất thổ cư, Đ đồng ý và hứa hẹn sẽ lo thủ tục giúp ông C. Đầu năm 2018, ông C đã nhiều lần chuyển tiền theo yêu cầu của Đ để lo thủ tục giấy tờ chuyển đổi mục đích sử dụng đất, cụ thể như sau:

- Ngày 21/3/2018, ông C giao cho Đ 50 triệu đồng tại nhà riêng của Đ.

- Ngày 03/8/2018, ông C giao 76 triệu đồng tại quán cà phê trên đường T, Quận A.

- Ngày 14/8/2018, ông C chuyển vào tài khoản của Đ tại Ngân hàng S1 số 060138930834 số tiền 80 triệu đồng.

- Ngày 20/8/2018, ông C chuyển khoản 145 triệu đồng, ngày 05/9/2018 chuyển tiếp 55 triệu đồng đế Đ lo thủ tục làm bờ kênh dài 1,7 mét.

- Ngày 29/10/2018, ông C chuyển khoản 500 triệu đồng, ngày 01/10/2018 chuyển khoản tiếp 420 triệu đồng và đưa tiền mặt 60 triệu đồng tại nhà riêng của Đ, tổng cộng là 980 triệu đồng để Đ đóng tiền thuế chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

- Sau đó ông C chuyển tiếp số tiền 40 triệu đồng vào tài khoản tại Ngân hàng S1 số 060138930834 của Đ nhưng không nhớ ngày.

- Ngày 25/3/2019, ông C chuyển 38 triệu đồng vào tài khoản Ngân hàng A số 6400205470922 của Đ để làm hồ sơ xin cấp phép điện, nước, cây xanh cho lô đất trên.

Tổng cộng Đ đã nhận của ông C số tiền 1.464.000.000 đồng để làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất và đóng thuế đất ở cho lô đất 2.492m^2. Tuy nhiên sau khi nhận tiền, ông C nhiều lần yêu cầu Đ giao các giấy tờ đóng thuế hoặc giấy tờ liên quan đến việc làm thủ tục xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất để đưa cho ông C1 xem nhưng Đ nhiều lần hứa hẹn và không thực hiện nên ông C làm đơn tố cáo.

Tại Cơ quan điều tra ông C trình bày nội dung như đã nêu trên. Đồng thời cung cấp một số giấy tờ liên quan đến việc chuyển tiền cho Đ thông qua ngân hàng. Trong tổng số 1.464.000.000 đồng Đ nhận từ ông C có những khoản tiền nhận bên ngoài (không có chuyển khoản) nên sau khi thấy Đ nhiều lần hứa hẹn nhưng không thực hiện, ông C nghi ngờ nên ngày 15/5/2019, ông C đã liệt kê tổng số tiền đã giao cho Đ để làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất của ông C1 và yêu cầu

Đ ký tên xác nhận. Đồng thời ông C còn cung cấp đoạn ghi âm có nội dung trao đổi giữa Đ và ông C về việc thời gian, tiến độ lo thủ tục đối với lô đất trên. Trong nội dung đoạn ghi âm do ông C cung cấp thể hiện Đ liên tục hứa hẹn thời gian ra quyết định chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho ông C1 và Đ, nói đã liên hệ với Phòng tài nguyên môi trường huyện B, Phó chủ tịch UBND huyện B, nhưng thực tế Đ không tiến hành lo thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất như đã hứa hẹn với ông C.

Tại Bản kết luận giám định số 2576/C09B, kết luận: Tiếng nói của người nam được gọi là "anh" (Ký hiệu "Đ" trong "Bản dịch nội dung") trong 30 (ba mươi) file âm thanh mẫu cần giám định và tiếng nói của Phạm Văn Đ trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra.

Nội dung hội thoại trong mẫu cần giám định đã được giám định và chuyển thành văn bản (71 trang giấy A4)".

Tại 71 trang giấy A4 thể hiện việc Đ xưng quen và nhờ một số cán bộ (anh T - Phó Chủ tịch, anh B1 - Phòng T, H - Phòng Kiến trúc quy hoạch, anh H2) chạy giấy tờ, hối thúc ông C đưa tiền để đóng tiền thuế đất mảnh đất của ông C1; hứa hẹn sẽ đưa lại giấy tờ, quyết định đã lo thủ tục chuyển đổi đất; thể hiện đang đi làm các công đoạn ra giấy tờ cho ông C, yêu cầu đóng tiền để xin lắp điện, nước, cây xanh, thú nhận lừa dối ông C, xin thứ lỗi, hứa hẹn về gặp giải quyết.

Ngày 20/7/2020, Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh có Kết luận giám định bổ sung số 3573/C09B: *"Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chèn, ghi đè, chỉnh sửa nội dung trong các file ghi âm mẫu cần giám định".*

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành lấy mẫu âm thanh ghi âm giọng nói của ông Nguyễn Văn C. Ngày 31/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung số 138-04C gửi Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị giám định: Âm thanh trao đổi có trong "USB số 1" (do ông C giao nộp, đã giám định ra giọng nói Phạm Văn Đ trước đó), theo Bản dịch nội dung kèm theo Kết luận giám định số 2576/C09B ngày 19/6/2020 của V tại Thành phố Hồ Chí Minh (C09B) được ký hiệu là "Nam" (người hội thoại với Phạm Văn Đ) có phải là giọng nói của ông Nguyễn Văn C (mẫu so sánh lưu trong USB số 2) hay không?".

Ngày 14/9/2020, Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh có Kết luận giám định bổ sung số 4553/C09B, kết luận: *"Tiếng nói của người nam xưng là "em " (Ký hiệu "Nam", "Nam1 " trong "Bản dịch nội dung" theo Kết luận giám định số: 2576/C09B ngày 19 tháng 6 năm 2020) trong các file âm thành mẫu cần giám định và tiếng nói của ông* Nguyễn Văn C *trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra".*

Ngày 22/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H có Công văn số 3418/PC01(Đ2) gửi Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B đề nghị cho biết trong năm 2018 và 2019, Chi nhánh có tiếp nhận và giải quyết hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất của ông Nguyễn Văn C1 liên quan đến thửa đất số

524, tờ bản đồ số 75, diện tích 2.192m^2, xã V, huyện B hay không, nếu có thì ai liên hệ làm hồ sơ.

Ngày 10/7/2020, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B có Công văn số 2653/CNBC trả lời: Trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2019, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B không tiếp nhận và giải quyết hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất liên quan đến thửa đất số 524, tờ bản đồ số 75, diện tích 2.492m^2, xã V, huyện B của ông Nguyễn Văn C1.

Ngày 15/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H có Công văn số 3918/PC01(Đ2) gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B đề nghị cho biết trong năm 2018 và 2019, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B có tiếp nhận và giải quyết hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất của ông Nguyễn Văn C1 liên quan đến thửa đất số 524, tờ bản đồ số 75, diện tích 2.492m^2, xã V, huyện B hay không. Nếu có thì ai liên hệ làm hồ sơ.

Ngày 04/8/2020, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B có Công văn số 3153/TNMT trả lời: Qua kiểm tra danh sách tiếp nhận hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng đất trong năm 2018 và 2019, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B không tiếp nhận giải quyết hồ sơ xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất của thửa đất nêu trên.

Ngày 18/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H có Công văn số 4617/PC01(Đ2) gửi Ngân hàng Thương mại cổ phần S2 (S1) - Chi nhánh Thành phố H đề nghị sao y bộ thủ tục, hồ sơ mở tài khoản số 060138930834 của Phạm Văn Đ mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần S2 - Chi nhánh Thành phố H (đây là tài khoản ông C chuyển tiền vào cho Đ) và sao kê tài khoản từ tháng 3/2018 đến hết tháng 3/2019. Ngày 10/11/2020, Ngân hàng Thương mại cổ phần S2 - Phòng G có Công văn số 67/2020/CV-STB TA cung cấp thông tin, thể hiện tài khoản này là của Phạm Văn Đ lập; Thời gian, số tiền chuyển vào tài khoản này, người chuyển là ông Nguyễn Văn C phù hợp với sao kê tài khoản do ông C cung cấp.

Ngày 18/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H có Công văn số 4618/PC01(Đ2) gửi Ngân hàng N1 - Chi nhánh G1 đề nghị sao y bộ thủ tục, tờ khai mở tài khoản số 6400205470922 của Phạm Văn Đ mở tại Ngân hàng N1 - Chi nhánh G1 (đây là tài khoản ông C chuyển tiền vào cho Đ) và sao kê tài khoản từ tháng 03/2018 đến hết tháng 3/2019. Ngày 28/8/2020, Ngân hàng N1 - Chi nhánh G1 có Công văn số 413/NHNoGĐ-KTNQ cung cấp thông tin, thể hiện tài khoản này là của Phạm Văn Đ; Thời gian, số tiền chuyển vào tài khoản này, người chuyển là ông Nguyễn Văn C phù hợp với sao kê tài khoản do ông C cung cấp.

Ngày 09/10/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã thi hành lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Đ. Tại cơ quan điều tra Đ khai nhận có nhận tiền từ ông C để lo chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại B giúp ông C1 (cha ruột của ông C). Tuy nhiên, do chính sách đất đai của huyện B chưa cho làm thủ tục nên Đ không thực hiện mà sử dụng tiền của C đi mua đất cho cá nhân Đức. Thông qua ông Đặng Văn S (bạn làm ăn chung với Đ), Đ biết ông C gửi đơn tố

cáo Đ tại Công an Thành phố H nên Đ đã nhờ ông S gửi số tiền 237.000.000 đồng khắc phục cho ông C nhưng ông C không đồng ý nhận. Ông S báo cho Đ biết để nhận lại nhưng Đ không đến nhận. Sau đó Đ nhờ ông S trả cho ông H3 (chưa rõ lai lịch) số tiền 200 triệu đồng và 37.000.000 đồng còn lại hiện ông S đang giữ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 512/2023/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 14 (Mười bốn) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 09/10/2020.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 29/9/2023, bị cáo Phạm Văn Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Văn Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ và xử phạt 14 năm tù là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đây là tình tiết giảm nhẹ mới. Đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc tính chất hành vi của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Văn Đ làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

Từ tháng 3/2018 đến tháng 3/2019, Phạm Văn Đ bằng thủ đoạn gian dối, thông qua việc hứa hẹn giúp ông Nguyễn Văn C làm thủ tục chuyển đổi mục đích

sử dụng từ đất trồng cây lâu năm sang đất thổ cư của lô đất có diện tích 2.492m^2 tọa lạc tại xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Nguyễn Văn C1 (cha của ông Nguyễn Văn C) là chủ sở hữu. Bị cáo Phạm Văn Đ nhiều lần đưa ra thông tin gian dối như đưa tiền để đóng thuế, xin hồ sơ điện nước, cây xanh, làm đường ... để yêu cầu ông Nguyễn Văn C chuyển tiền nhiều lần, tổng số 1.464.000.000 đồng. Thực tế, bị cáo không nộp hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất cho ông C1; số tiền nhận được từ ông C bị cáo đã sử dụng hết vào mục đích cá nhân mà không thực hiện các nội dung đã cam kết.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2.2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 14 năm tù là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; sau khi phạm tội đã khắc phục một phần hậu quả; bản thân có thời gian dài công tác trong quân ngũ và đạt được thành tích xuất sắc là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Quá trình xét xử sơ thẩm bị cáo còn quanh co, chưa thừa nhận hành vi phạm tội. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thể hiện sự ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo nên có căn cứ áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết tiết giảm nhẹ mới được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đánh giá tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo yên tâm cải tạo tốt, trở thành công dân có ích cho xã hội, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Phạm Văn Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn Đ.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 512/2023/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hình phạt.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 12 (Mười hai) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 09/10/2020.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo Phạm Văn Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND TP.HCM (2);
- VKSND TP.HCM (1);
- Cục THADS TP.HCM (1);
- Sở Tư pháp TP.HCM (1);
- Công an TP.HCM (1);
- Trại tạm giam Công an TP.HCM (2);
- Lưu VP(3), HS(2).15b.LTTT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Thủy